

Bản án số: 08/2019/KDTM - PT

Ngày: 11 - 10 - 2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu

Các thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ

Bà Từ Thị Hải Dương

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại phòng xét xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2019/TLPT/KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2019, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng do bản án số 01/2019/KDTM –ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1452/2019/QĐ-PT ngày 30/8/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng V; địa chỉ: Số S, đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông N, ông R, ông L1, ông L2 và ông H – Cán V – Địa chỉ: T4, số 112 đường P, quận HC, thành phố Đà Nẵng. Ông R có mặt

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH – XDTH Đ; địa chỉ: Số 06 đường LT, phường B, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đình Đ2 - Giám đốc. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Đình Đ2, sinh 1982; địa chỉ: Số 06 đường LT, phường B, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng V trình bày:

Ngân hàng V - CN Q (sau đây viết tắt là V và Công ty TNHH - XDTH Đ (sau đây viết tắt là Công ty Đ) có thỏa thuận ký kết các Hợp đồng tín dụng, cụ thể: Theo Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/QBH/17/0001/HDTD ngày 21/07/2017 (kèm theo khế ước nhận nợ số SME/QBH/17/001/HDTD-01 ngày 21/07/2017; Công ty Đ vay của V số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,7%/năm (với phương thức tính lãi quy định tại hợp đồng cho vay với 1 năm là 360), mức lãi suất quy đổi cơ sở một năm 365 ngày là 23%/năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên ngày 21/10/2017 với mức lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh đối với khoản giải ngân có kỳ hạn từ 2 năm đến 3 năm và kỳ điều chỉnh là ba tháng cộng biên độ 14,5% /năm, trả gốc: 1 tháng/1 lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/07/2017, trả lãi: 1 tháng/1 lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/07/2017.

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 190417-3577072-01-SME ngày 19/04/2017; Khế ước nhận nợ số : 190417-3577072-01-SME ngày 19/04/2017, Công ty Đ vay của V số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,35%/năm (với phương thức tính lãi quy định tại hợp đồng cho vay với 1 năm là 360), mức lãi suất quy đổi cơ sở một năm 365 ngày là 22.66%/năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên ngày 19/07/2017 với mức lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh đối với khoản giải ngân có kỳ hạn từ 2 năm đến 3 năm và kỳ điều chỉnh là ba tháng cộng biên độ 14% /năm, trả gốc: 1 tháng/1 lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/05/2017, trả lãi: 1 tháng/1 lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/05/2017.

Tổng số tiền Công ty Đ vay của V theo hai hợp đồng với số tiền gốc là: 600.000.000đồng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã trả tiền gốc 133.344.000đ, tiền lãi 83.991.868đ. Còn lại tiền gốc 466.656.000đ, số tiền này Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 26/02/2018 nên toàn bộ khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 28/5/2019, Công ty Đ còn nợ gốc 466.656.000 đồng, nợ lãi trong hạn 8.842.781; nợ lãi quá hạn 191.670.325đ, phạt chậm trả lãi 15.326.398 đ. Tổng cộng 682.495.504đ

Công ty Đ tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Trong trường hợp Công ty Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ. Căn cứ Theo hợp đồng bảo lãnh số: 170417-3577072-01-SME/HĐBL ngày 19/04/2017 và Theo hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/17/0001/HĐBL ngày 27/07/2017 của Ngô Đình Đ2 ký với V để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng.

Phía bị đơn Công ty Đ – người đại diện theo pháp luật ông Ngô Đình Đ2 – chức vụ: Giám đốc Công ty đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Qua quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập ông Ngô Đình Đ2 nhiều lần theo địa chỉ của ông tham gia giao kết hợp đồng có địa chỉ tại: Số 06 đường LT, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, đồng thời Tòa án đã gửi qua

đường Bưu chính bằng hình thức gửi bảo đảm và niêm yết giấy triệu tập cho ông Đ2 nhưng ông vẫn không có mặt nên không có ý kiến của bị đơn Công ty Đ và của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Đình Đ2.

Tại bản án số 10/2019/KDTM –ST ngày 28/5/2019 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 335, , 336, 339, 340, 342, 351, 463, 466, 470 BLDS năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V:

- Buộc Công ty Đ phải trả nợ cho Ngân hàng V, tính đến ngày 28/5/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là 667.169.106đ, trong đó nợ gốc 466.656.000 đồng, nợ lãi trong hạn 8.842.781; nợ lãi quá hạn 191.670.325đ.

- Trong trường hợp Công ty Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Ngô Đình Đ2 có nghĩa vụ phải trả nợ thay cho Công ty Đ toàn bộ số nợ mà Công ty Đ phải trả, theo thoả thuận trong hợp đồng bảo lãnh được ký kết với Ngân hàng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/5/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng cho vay từng lần số: SME/QBH/17/0001/HDTD ngày 21/07/2017, hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số: 190417-3577072-01-SMEngày 19/04/2017, được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty Đ.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V yêu cầu Công ty Đ phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 15.326.398đ.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại 30.686.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Ngân hàng V phải chịu án phí kinh doanh thương mại 3.000.000đ để sung quỹ Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 13.454.971 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000828 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Hoàn trả lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí còn thừa 10.454.971đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên việc thi hành án theo Luật thi hành án, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 10/6/2019, Ông R – là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng V có đơn kháng cáo với nội dung: Việc Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận phần phạt lãi chậm trả và buộc V phải chịu án phí là không đúng, làm ảnh

hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của V cũng như không đúng với các tình tiết có trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà cũng như các đương sự đều thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, xử y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay nguyên đơn Ngân hàng V không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 18/9/2019, bị đơn Công ty Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Đình Đ2 vắng mặt lần thứ nhất, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS để hoãn phiên toà.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị đơn Công ty Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Đình Đ2 vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật quyết định xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của Ngân hàng V với nội dung: Việc Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận phạt lãi chậm trả và buộc V phải chịu án phí là không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của V, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như trình bày của ông R – là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng V tại phiên toà phúc thẩm, Công ty Đ đã ký kết với Ngân hàng V – CN Q Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/QBH/17/0001/HDTD ngày 21/07/2017 (kèm theo khế ước nhận nợ số SME/QBH/17/001/HDTD-01 ngày 21/07/2017; số tiền vay 200.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,7%/năm; Hợp đồng cho vay từng lần số: 190417-3577072-01-SME ngày 19/04/2017; Khế ước nhận nợ số : 190417-3577072-01-SME ngày 19/04/2017, số tiền vay 400.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,35%/. Và để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty ông Ngô Đình Đ2 đã ký kết với Ngân hàng Theo hợp đồng bảo lãnh số: 170417-3577072-01-SME/HĐBL ngày 19/04/2017 và Theo hợp đồng bảo lãnh số SME/QBH/17/0001/HĐBL ngày 27/07/2017 với nội dung cam kết thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ trả được tiền gốc 133.344.000đ, tiền lãi 83.991.868đ. Còn lại tiền gốc 466.656.000đ, số tiền này Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 26/02/2018 nên toàn bộ khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 28/5/2019, Công ty Đ còn nợ gốc 466.656.000 đồng, nợ lãi trong hạn 8.842.781; nợ lãi quá hạn 191.670.325đ, phạt chậm trả lãi

15.326.398 đ. Tổng cộng 682.495.504đ. Vì vậy, nguyên đơn Ngân hàng V khởi kiện và được Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện có căn cứ.

Tuy nhiên, việc Toà án không chấp nhận buộc bị đơn Công ty Đ phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng V số tiền 15.326.398đ phạt chậm trả lãi, thấy rằng: Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để cho rằng số tiền phạt chậm trả lãi 15.326.398đ đã vượt quá 150% của lãi suất trong hạn để không chấp nhận khoản tiền phạt lãi chậm trả là chưa đúng với quy định tại điểm c khoản 6 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng mà các bên thoả thuận đã ký kết, trong đó quy định về *“Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”* của hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Theo quy định nêu của các Hợp đồng tín dụng thì số tiền 15.326.398đ là khoản tiền lãi do chậm trả lãi trên số tiền lãi chậm trả đã được các bên thoả thuận ký kết để buộc bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ phải có trách nhiệm thêm khoản tiền lãi này và quy định này cũng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *“Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”* và điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 20/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn để sửa án sơ thẩm đối với nội dung này là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí:

- Kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng V được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Về án phí sơ thẩm có giá ngạch: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên về án phí sơ thẩm có giá ngạch được tính lại, cụ thể:

+ Công ty Đ phải chịu 31.299.820đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

+ Ngân hàng V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng V số tiền 13.454.971 đồng tiền tạm ứng án phí sơ đã nộp tại theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000828 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới và số tiền 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005410 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, xử: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng V, sửa án sơ thẩm xử:

1. Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 335, 336, 339, 340, 342, 351, 463, 466, 470 BLDS năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 306 Luật thương mại năm 2005, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V:

- Buộc Công ty Đ phải trả nợ cho Ngân hàng V, tính đến ngày 28/5/2019 với tổng số tiền gốc và lãi là 682.495.504đ, trong đó nợ gốc 466.656.000 đồng, nợ lãi trong hạn 8.842.781; nợ lãi quá hạn 191.670.325đ, lãi chậm trả do không trả lãi đúng hạn 15.326.398đ.

- Trong trường hợp Công ty Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Ngô Đình Đ2 có nghĩa vụ phải trả nợ thay cho Công ty Đ toàn bộ số nợ mà Công ty Đ phải trả, theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh được ký kết với Ngân hàng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/5/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần số: SME/QBH/17/0001/HDTD ngày 21/07/2017, Hợp đồng tín dụng cho vay từng lần số: 190417-3577072-01-SMEngày 19/04/2017, được ký kết giữa Ngân hàng V và Công ty Đ.

2. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

- Kháng cáo của nguyên đơn V được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Về án phí sơ thẩm có giá ngạch: Sửa án sơ thẩm, xử:

+ Công ty Đ phải chịu 31.299.820đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

+ Ngân hàng V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng V số tiền 13.454.971 đồng tiền tạm ứng án phí sơ đã nộp tại theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000828 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới và số tiền 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005410 ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- TAND tp Đồng Hới;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THA tp Đồng Hới;
- Lưu: HS vụ án, án văn.

(Đã ký)

Võ Bá Lưu